

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27- 8 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khắc Chung
Bà Trương Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, ghi biên bản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 396/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, về Ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tống Huy B, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số E, tổ B, ấp K, xã K, huyện C (nay là Số E, tổ B, ấp K, xã M), tỉnh An Giang. CCCD số 089079018023

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị Lệ Q, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số E, tổ B, ấp K, xã K, huyện C (nay là Số E, tổ B, ấp K, xã M), tỉnh An Giang. CCCD số 089179006975

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trịnh Thanh H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C (nay là ấp C, xã T), tỉnh An Giang. CCCD số 089075014717

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tống Huy B trình bày và có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trịnh Thị Lệ Q qua việc mai mối, sau thời gian tự tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C (nay là xã M), tỉnh An Giang. Quá trình chung sống lúc đầu đầm ấm, hạnh phúc. Nhưng về sau này đời sống vợ chồng không còn hòa hợp, do bất

đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng tháng 12 năm 2020 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trịnh Thị Lệ Q.

- Về con chung: Có 02 (Hai) con chung tên Tống Nhật Yến V, sinh ngày 21/02/2003 và Tống Nhật Yến N, sinh ngày 30/10/2011. Theo đơn khởi kiện thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Tống Nhật Yến N, không yêu cầu bà Trịnh Thị Lệ Q cấp dưỡng nuôi con. Con chung Tống Nhật Yến V đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Trong quá trình giải quyết ông thay đổi yêu cầu về con chung: Đồng ý giao con chung Yến Nhi cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (*Bằng chữ Năm triệu đồng*).

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông đồng ý trả lại cho bà Q số tiền 267.500.000 đồng. Ngoài ra, ông B thống nhất vợ chồng có nợ ông Trịnh Thanh H số tiền 332.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi hai triệu đồng*). Trường hợp ông H có yêu cầu vợ chồng trả thì ông B đồng ý mỗi người có nghĩa vụ trả 50% số tiền nợ này.

Bị đơn bà Trịnh Thị Lệ Q trình bày và yêu cầu:

Về hôn nhân: Do đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, ông B không còn thương bà nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nay ông B xin ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn với ông Tống Huy B.

Về con chung: Thống nhất có các con chung như trình bày của ông Tống Huy B. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Tống Nhật Yến N, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000 đồng một tháng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà bán căn nhà và đất hầm được 1.050.000.000đ (*Một tỷ năm mươi triệu đồng*), đã trả cho Quỹ tín dụng Mỹ Đ 500.000.000 đồng, thuê lại hầm 30.000.000 đồng, còn 520.000.000 đồng, ngoài ra ông B còn bán cá trong hầm được bao nhiêu thì bà không rõ nhưng ông B có nói là được 30.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền còn lại ông B đang giữ là 535.000.000 đồng, bà yêu cầu ông B trả lại cho bà 267.500.000 đồng. Về nợ chung: Vợ chồng bà còn nợ của ông Trịnh Thanh H số tiền 332.000.000 đồng do vợ chồng bà mượn để trả nợ. Bà yêu cầu chia hai số nợ này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thanh H trình bày và yêu cầu: Ông là anh ruột bà Q, anh vợ ông B. Nguyên trước đây ông có giúp đỡ vợ chồng ông B, bà Q nhiều lần thông qua việc cho mượn tiền để làm ăn, ông xác nhận và yêu cầu vợ chồng ông B, bà Q cùng trả số nợ trên.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn ông Tống Huy B có mặt và có ý kiến trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Q, giữ nguyên ý kiến trình bày như tại buổi hoà giải ngày 21/7/2025.

Bà Trịnh Thị Lệ Q có mặt và trình bày: Đồng ý ly hôn, bà có yêu cầu phản tố; có nhận được Thông báo tạm ứng án phí của Tòa án đối với yêu cầu phản tố nhưng chưa thực hiện.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thanh H có mặt và trình bày: Ông không có ý kiến về quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà Q; ông có yêu cầu phản tố và nộp Đơn; có nhận được Thông báo tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập nhưng không thực hiện.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cho đến việc diễn biến tại phiên tòa của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân cho ông B với bà Q ly hôn; giao con chung chưa thành niên Tống Nhật Yên Nhi cho bà Q trực tiếp nuôi dưỡng, ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q, ông H có yêu cầu nhưng không thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Tống Huy B khởi kiện bà Trịnh Thị Lệ Q cư trú tại xã M, tỉnh An Giang (trước đây là xã K, huyện C, tỉnh An Giang) yêu cầu ly hôn, giải quyết về nuôi con chung. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; **khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.**

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trịnh Thị Lệ Q có Đơn yêu cầu phản tố; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Thanh H có Đơn yêu cầu độc lập; Tòa án có ban hành và tổng đạt hợp lệ Thông báo tạm ứng án phí để người có yêu cầu để thực hiện nghĩa vụ nhưng bà Q, ông H không thực hiện nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà Q, ông H trong vụ án này trường hợp ông bà có yêu cầu có thể khởi kiện trong vụ án khác.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Tống Huy B và bà Trịnh Thị Lệ Q là hôn nhân hợp pháp bởi ông, bà có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Xem xét yêu cầu ly hôn của ông Tống Huy B, Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng của ông, bà đã không còn hạnh phúc, do một bên không còn tình cảm, đã có khoảng thời gian ly thân, cả hai có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được do giữa ông bà không có sự cảm thông cho nhau. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, bà Trịnh Thị Lệ Q có mặt và có ý kiến do không còn tình cảm với ông B. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Tống Huy B là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Tống Huy B được ly hôn với bà Trịnh Thị Lệ Q.

[2.2] Về quan hệ con chung: Theo giấy khai sinh của Tống Nhật Yến V, sinh ngày 21/02/2003 và Tống Nhật Yến N, sinh ngày 30/10/2011 cũng như lời trình bày của ông Tống Huy B; bà Trịnh Thị Lệ Q thì giữa ông B và bà Q có con 02 con chung là cháu Yến Vy và cháu Yến N; các bên thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về con chung Yến Vy vì hiện tại cháu V đã thành niên có khả năng lao động; đối với con chung chưa thành niên cháu Yến N các bên thống nhất giao cho bà Q trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất con chung chưa thành niên (cháu Yến N) hiện đang sống cùng bà Q; Theo bản tự khai ngày 05/8/2025 của cháu Yến N cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung cùng mẹ Q nếu cha, mẹ có ly hôn nên để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu, tạo điều kiện cho cháu Yến N được ổn định về tâm sinh lý, chỗ ở, sinh hoạt nên các bên thống nhất giao con chung chưa thành niên Tống Nhật Yến N cho bà Lệ Q là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung chưa thành niên tên Tống Nhật Yến N cho bà Trịnh Thị Lệ Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Tống Huy B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trịnh Thị Lệ Q và các thành viên trong gia đình của bà Trịnh Thị Lệ Q không được cản trở ông Tống Huy B thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Bà Trịnh Thị Lệ Q có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên (cháu Yến N) mỗi tháng 5.000.000 đồng, tính từ ngày bản án có hiệu lực, nguyên đơn ông Tống Huy B thống nhất nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Ông Tống Huy B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên Tống Nhật Yến N, với mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:

Về quan hệ tài sản chung: Bà Lệ Q có lời trình bày và yêu cầu ông B phải trả bà số tiền 267.500.000 đồng; ông B thống nhất với yêu cầu này; có nộp Đơn yêu cầu phản tố nhưng không thực hiện việc tạm ứng án phí theo quy định nên Hội

đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Ông Trịnh Thanh H có lời trình bày và yêu cầu ông B, bà Q trả số nợ chung 332.000.000 đồng; ông B bà Q thống nhất số nợ này đối với ông H; có nộp Đơn yêu cầu độc lập nhưng không thực hiện việc tạm ứng án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí: Ông Tống Huy B là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 143, khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 186, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Tống Huy B và bà Trịnh Thị Lệ Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 52 cấp ngày 03/7/2002 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện C (nay là xã M), tỉnh An Giang cấp cho ông Tống Huy B và bà Trịnh Thị Lệ Q không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ nuôi con: Ông Tống Huy B và bà Trịnh Thị Lệ Q có 02 (hai) con chung gồm Tống Nhật Yến V, sinh ngày 21/02/2003 và Tống Nhật Yến N, sinh ngày 30/10/2011.

2.1. Con chung Tống Nhật Yến V, sinh ngày 21/02/2003 hiện đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.2. Giao con chung chưa thành niên tên Tống Nhật Yến N, sinh ngày 30/10/2011 cho bà Trịnh Thị Lệ Q được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Tống Huy B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con. Bà Trịnh Thị Lệ Q và các thành viên trong gia đình của bà Trịnh Thị Lệ Q không được cản trở ông Tống Huy B thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Ông Tống Huy B có nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng cho con chung Tống Nhật Yên N với mức cấp dưỡng là 5.000.000 đồng/tháng (năm triệu đồng trên tháng), bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Tống Nhật Yên N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt trong các trường hợp khác quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí*: Ông Tống Huy B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), về việc cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009904 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A - An Giang). Ông Tống Huy B còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 13 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 13-An Giang;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Công an xã Mỹ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Mai